

## DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG VÀO VÒNG LOẠI CẤP THÀNH PHỐ - BẢNG C

| STT | Tên trường                              | Tổng điểm | Tổng thời gian |
|-----|-----------------------------------------|-----------|----------------|
| 1   | Cao Đẳng Công Nghệ Thủ Đức              | 1000      | 13:40 phút     |
| 2   | Cao Đẳng Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh        | 1000      | 45:53 phút     |
| 3   | Cao Đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng           | 1000      | 49:32 phút     |
| 4   | Đại Học Luật Tp. Hồ Chí Minh            | 1000      | 73:47 phút     |
| 5   | Đại học Tôn Đức Thắng                   | 1000      | 127:41 phút    |
| 6   | Học Viện Cán Bộ Tp. Hồ Chí Minh         | 920       | 130:29 phút    |
| 7   | Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Tp.HCM      | 905       | 89:54 phút     |
| 8   | Đại Học Mở Tp. Hồ Chí Minh              | 870       | 156:29 phút    |
| 9   | Đại Học Giao Thông Vận Tải Tp. HCM      | 855       | 79:49 phút     |
| 10  | Cao Đẳng Sư Phạm Trung Ương Tp.HCM      | 855       | 91:16 phút     |
| 11  | Học Viện Hành Chính Quốc Gia Cs Tp. Hcm | 825       | 118:08 phút    |
| 12  | Đại Học Lao Động - Xã Hội (Csii)        | 825       | 124:05 phút    |
| 13  | Cao Đẳng Viễn Đông                      | 800       | 147:08 phút    |
| 14  | Đại Học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh          | 790       | 106:44 phút    |
| 15  | Đại Học Công Nghiệp Tp. HCM             | 740       | 74:59 phút     |
| 16  | Đại Học Ngân Hàng Tp. HCM               | 730       | 102:12 phút    |
| 17  | Đại Học Công Nghệ Sài Gòn               | 725       | 79:29 phút     |
| 18  | Đại Học Tài Chính - Marketing           | 700       | 124:08 phút    |
| 19  | Đại Học Kinh Tế - Luật - ĐHQG Tp.HCM    | 690       | 85:06 phút     |
| 20  | Đại Học Kinh Tế - Tài Chính Tp. HCM     | 690       | 121:47 phút    |
| 21  | Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp.HCM         | 640       | 95:34 phút     |
| 22  | Cao Đẳng Quốc Tế Tp.HCM                 | 630       | 119:59 phút    |
| 23  | Đại Học Công Nghệ Tp.HCM (Hutech)       | 625       | 81:34 phút     |
| 24  | Cao Đẳng Kinh Tế - Công Nghệ Tp.HCM     | 615       | 122:54 phút    |
| 25  | Đại Học KHXX&NV - ĐHQG Tp.HCM           | 610       | 62:27 phút     |
| 26  | Cao Đẳng Kỹ Thuật Cao Thắng             | 610       | 121:36 phút    |
| 27  | Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng               | 585       | 81:12 phút     |
| 28  | Đại Học Sư Phạm Tp. Hồ Chí Minh         | 580       | 80:43 phút     |
| 29  | Đại Học Nông Lâm Tp. HCM                | 570       | 95:22 phút     |
| 30  | Cao Đẳng Công Nghệ Thông Tin Tp.HCM     | 555       | 57:41 phút     |

# DANH SÁCH THÍ SINH VÀO VÒNG LOẠI CẤP THÀNH PHỐ - BẢNG C

## 1. CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC

| STT | Họ và Tên          | Lớp     | Điểm    | Thời gian làm bài |
|-----|--------------------|---------|---------|-------------------|
| 1   | LÊ MINH TRÍ        | CD14CK2 | 100/100 | 01:07 phút        |
| 2   | Nguyễn Tân Phai    | CD17QT3 | 100/100 | 01:09 phút        |
| 3   | Ngô Tân Phúc       | CD16DL1 | 100/100 | 01:11 phút        |
| 4   | Lê Tuấn Anh        | CD17TT1 | 100/100 | 01:12 phút        |
| 5   | Tổng Thanh Tú      | CD17QT6 | 100/100 | 01:12 phút        |
| 6   | Nguyễn Thị Tươi    | CD17TH5 | 100/100 | 01:14 phút        |
| 7   | Ngô Thị Thuỳ Trang | CD17QT1 | 100/100 | 01:17 phút        |
| 8   | Lê Duy Anh Tú      | CD17TT1 | 100/100 | 01:20 phút        |
| 9   | Đỗ Hồng Sang       | CD17DT1 | 100/100 | 01:37 phút        |
| 10  | Huỳnh Phát Đạt     | CD17TT1 | 100/100 | 02:21 phút        |

## 2. CAO ĐẲNG KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

| STT | Họ và Tên              | Lớp     | Điểm    | Thời gian làm bài |
|-----|------------------------|---------|---------|-------------------|
| 1   | Bùi Thị Như            | 12CKT08 | 100/100 | 02:42 phút        |
| 2   | Hoang Thi Bach Tuyen   | 12CKT08 | 100/100 | 02:58 phút        |
| 3   | Nguyễn Đức Minh Phương | 12CKT08 | 100/100 | 03:02 phút        |
| 4   | Nguyễn Thị Hồng Thúy   | 12CKT08 | 100/100 | 03:10 phút        |
| 5   | Hoàng Công Điền        | 12CKT08 | 100/100 | 03:50 phút        |
| 6   | Đặng Thị Kim Khánh     | 12CKT08 | 100/100 | 04:04 phút        |
| 7   | Phạm Văn Cường         | 12CKT08 | 100/100 | 04:05 phút        |
| 8   | Nguyễn Ngọc Như Quỳnh  | 12CKT08 | 100/100 | 04:15 phút        |
| 9   | Hà Thị Giang           | 12CKT08 | 100/100 | 05:24 phút        |
| 10  | Nguyễn Lâm Viên        | 13CKT01 | 100/100 | 12:23 phút        |

## 3. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG

| STT | Họ và Tên              | Lớp          | Điểm    | Thời gian làm bài |
|-----|------------------------|--------------|---------|-------------------|
| 1   | Võ Nguyễn Thị Huyền    | 17T4-QTD1    | 100/100 | 02:16 phút        |
| 2   | Đặng Thị Tường Vy      | 18C1-KTD2    | 100/100 | 02:19 phút        |
| 3   | Huỳnh Thị Diễm Thúy    | 18C1-KTD2    | 100/100 | 03:00 phút        |
| 4   | Nguyễn Trần Châu Giang | 17T4-QTD1    | 100/100 | 03:39 phút        |
| 5   | Hồ Thị Huyền Yên       | 18C1-KTD2    | 100/100 | 03:59 phút        |
| 6   | Lê Bá Việt Anh         | 17T4-QTD1    | 100/100 | 04:18 phút        |
| 7   | Nguyễn Huy Tiến Đạt    | 18T4-QTD1    | 100/100 | 04:21 phút        |
| 8   | Lê thành đạt           | 18c1 cno16   | 100/100 | 07:38 phút        |
| 9   | Lơ mu ellis            | 18C1-CN Ô 16 | 100/100 | 08:56 phút        |
| 10  | nguyen van khang       | 18c1-cn11    | 100/100 | 09:06 phút        |

## 4. ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

| STT | Họ và Tên           | Lớp    | Điểm    | Thời gian làm bài |
|-----|---------------------|--------|---------|-------------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ HUYỀN MY | HS40.1 | 100/100 | 01:36 phút        |
| 2   | hoàng thái bảo      | HS40.1 | 100/100 | 01:44 phút        |
| 3   | trần thị thu hà     | tm43   | 100/100 | 01:48 phút        |
| 4   | La bá hiên          | QT41.1 | 100/100 | 01:53 phút        |
| 5   | Trần Lực            | HS40   | 100/100 | 03:25 phút        |
| 6   | Bùi Khánh Linh      | LE41   | 100/100 | 09:13 phút        |
| 7   | Huỳnh Thị Kim Xuyên | HC42B2 | 100/100 | 09:13 phút        |

|    |                       |         |         |            |
|----|-----------------------|---------|---------|------------|
| 8  | Nguyễn Công Bằng      | CLC 40D | 100/100 | 12:55 phút |
| 9  | Hoắc Phú Cường        | QTL40.1 | 100/100 | 12:57 phút |
| 10 | Huỳnh Thị Bích Phượng | DS40B1  | 100/100 | 19:03 phút |

**5. ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

| STT | Họ và Tên                | Lớp      | Điểm    | Thời gian làm bài |
|-----|--------------------------|----------|---------|-------------------|
| 1   | Huỳnh Bảo Minh Châu      | 180E0103 | 100/100 | 09:44 phút        |
| 2   | Nguyễn Quốc Bảo          | 15050301 | 100/100 | 10:53 phút        |
| 3   | Heng Tue Minh Gwendoline | 17060302 | 100/100 | 11:00 phút        |
| 4   | Bùi Văn Quyết            | 150e0101 | 100/100 | 11:28 phút        |
| 5   | Hoàng Thị Thùy Linh      | 17070582 | 100/100 | 11:28 phút        |
| 6   | Huỳnh Thị Thanh          | 180H0101 | 100/100 | 11:56 phút        |
| 7   | Nguyễn Thị Thu Hương     | 160E0101 | 100/100 | 12:41 phút        |
| 8   | Nguyễn Hải Ly            | 16000106 | 100/100 | 15:38 phút        |
| 9   | Lê Nguyễn Phương Anh     | 170E0102 | 100/100 | 16:25 phút        |
| 10  | Phạm Hoàng Hiếu          | 150E0101 | 100/100 | 16:28 phút        |

**6. HỌC VIỆN CÁN BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

| STT | Họ và Tên               | Lớp        | Điểm    | Thời gian làm bài |
|-----|-------------------------|------------|---------|-------------------|
| 1   | Lê Phan Yến Ngọc        | K2C_Luật   | 100/100 | 08:54 phút        |
| 2   | Nguyễn Phúc Trường Luật | K01205F    | 100/100 | 14:22 phút        |
| 3   | Nguyễn Thị Thanh Ngân   | K2C - CTH  | 95/100  | 13:15 phút        |
| 4   | Châu Thị Thu Phượng     | K01205F    | 95/100  | 20:00 phút        |
| 5   | Nguyễn Thị Hồng Sang    | K2C-Luat   | 90/100  | 12:33 phút        |
| 6   | Nguyễn Thị Cẩm Tiên     | K2C Luật   | 90/100  | 16:12 phút        |
| 7   | Nguyễn Thị Thuý Ngân    | K02 LUA D  | 90/100  | 17:20 phút        |
| 8   | Trịnh Văn Minh          | K1F        | 90/100  | 17:40 phút        |
| 9   | Nguyễn Mai Anh Thư      | K012050325 | 85/100  | 04:41 phút        |
| 10  | Nguyễn Thị Kim Tuyền    | K1C        | 85/100  | 05:32 phút        |

**7. CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT TP.HCM**

| STT | Họ và Tên              | Lớp         | Điểm    | Thời gian làm bài |
|-----|------------------------|-------------|---------|-------------------|
| 1   | Võ Quang Thời          | 16CDTH02    | 100/100 | 09:02 phút        |
| 2   | Lý Ngọc Yến            | 19.T.KT3    | 95/100  | 05:43 phút        |
| 3   | Nguyễn Hữu Hoàng Thông | 19 TMT 1    | 95/100  | 07:24 phút        |
| 4   | Trần Nhất Thìn         | 18CDDKTDH01 | 95/100  | 16:53 phút        |
| 5   | Phạm thị Bích Ngọc     | 17CDKT02    | 90/100  | 08:08 phút        |
| 6   | Lý Ngọc Mai            | 17cdth01    | 90/100  | 15:40 phút        |
| 7   | Lê Nguyễn Huyền Trang  | 16CDKT01    | 85/100  | 04:13 phút        |
| 8   | Vũ Thị Ngọc Huyền      | 18CDTA02    | 85/100  | 05:25 phút        |
| 9   | Huỳnh Trương Khả Dý    | 18CĐTA03    | 85/100  | 08:34 phút        |
| 10  | Võ Ngọc Kim            | 16CDDT-TT01 | 85/100  | 08:52 phút        |

**8. ĐẠI HỌC MỞ TP. HCM**

| STT | Họ và Tên            | Lớp      | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|----------------------|----------|--------|-------------------|
| 1   | Phạm Châu Thùy Trang | DH18KQ01 | 95/100 | 17:09 phút        |
| 2   | Nguyễn Kim Phượng    | DH18KQ01 | 90/100 | 17:16 phút        |
| 3   | Huỳnh Thị Trúc Hương | DH18AV01 | 90/100 | 18:54 phút        |
| 4   | Dương Hoàng Nam      | DH18AV01 | 90/100 | 20:00 phút        |
| 5   | TRẦN KIẾN TƯỜNG      | DH18SH01 | 85/100 | 11:22 phút        |
| 6   | Nguyễn Thùy Kim Viên | DH18AV02 | 85/100 | 12:46 phút        |
| 7   | Nguyễn Hữu Việt      | DH18LK02 | 85/100 | 15:24 phút        |
| 8   | Trần Thị Thanh Minh  | DH18LK02 | 85/100 | 17:54 phút        |
| 9   | Lê Thị Quyên         | DH17LA02 | 85/100 | 18:21 phút        |
| 10  | Nguyễn Thành Được    | DH18XH01 | 80/100 | 07:23 phút        |

**9. ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HCM**

| STT | Họ và Tên             | Lớp   | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|-----------------------|-------|--------|-------------------|
| 1   | Đào Ngọc Sâm          | CN16A | 95/100 | 06:41 phút        |
| 2   | Nguyễn Việt Thiện Lộc | CN15A | 95/100 | 07:29 phút        |

|    |                        |       |        |            |
|----|------------------------|-------|--------|------------|
| 3  | CHÂU VĂN HIỂN          | DC15A | 95/100 | 15:31 phút |
| 4  | Dương Thị Hạnh Nguyên  | KT17A | 85/100 | 06:12 phút |
| 5  | Nguyễn Thị Ngọc Hương  | KT17B | 85/100 | 07:49 phút |
| 6  | Trần Ngọc Hải          | KM14B | 80/100 | 04:38 phút |
| 7  | Trịnh Thanh Quý        | Cn15A | 80/100 | 06:01 phút |
| 8  | Nguyễn Quốc Lực        | CN15A | 80/100 | 08:13 phút |
| 9  | Nguyễn Huỳnh Thúy Điệp | CN15A | 80/100 | 08:33 phút |
| 10 | Nguyễn Hữu Quý         | Cn14b | 80/100 | 08:42 phút |

#### 10. CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG TP. HCM

| STT | Họ và Tên               | Lớp               | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|-------------------------|-------------------|--------|-------------------|
| 1   | Võ Minh Ngọc            | AV8               | 95/100 | 08:41 phút        |
| 2   | Lê Đức Long             | giáo dục Công dân | 90/100 | 08:21 phút        |
| 3   | Nguyễn Thị kim thanh    | 30b               | 85/100 | 05:32 phút        |
| 4   | Nguyen huynh tuyet nhi  | 29A               | 85/100 | 07:47 phút        |
| 5   | Phạm Thị Kim Ngân       | 7B                | 85/100 | 11:21 phút        |
| 6   | Phan Thị Kim Hường      | 30G               | 85/100 | 12:10 phút        |
| 7   | hồ thị xuân             | 29d               | 85/100 | 12:35 phút        |
| 8   | Nguyễn Thị Quyên Phương | 29a               | 85/100 | 17:19 phút        |
| 9   | Trần Thị Thu Trang      | TC 7B             | 80/100 | 02:46 phút        |
| 10  | Nguyễn Thị Cẩm Tú       | GD CD7            | 80/100 | 04:44 phút        |

#### 11. HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA CS TP. HCM

| STT | Họ và Tên             | Lớp      | Điểm    | Thời gian làm bài |
|-----|-----------------------|----------|---------|-------------------|
| 1   | Trương Anh Vinh       | KS18C    | 100/100 | 03:48 phút        |
| 2   | Đặng Nguyễn Hồng Châu | KS18H    | 100/100 | 09:08 phút        |
| 3   | Nguyễn Thị Như Ý      | KS18B    | 85/100  | 07:44 phút        |
| 4   | Lê Thanh Nguyên       | KS18G    | 85/100  | 18:56 phút        |
| 5   | Phạm thị phường       | KS16QLC1 | 85/100  | 19:18 phút        |
| 6   | Nguyễn Nguyên         | KS18D    | 80/100  | 17:40 phút        |
| 7   | Nguyễn Thị Huỳnh Như  | KS18B    | 80/100  | 20:00 phút        |
| 8   | Trần Thị Kim Anh      | KS18H    | 70/100  | 05:00 phút        |
| 9   | Trần thị thanh thanh  | 16NS1    | 70/100  | 06:07 phút        |
| 10  | Lê Quốc Tuấn          | KS17TT   | 70/100  | 10:27 phút        |

#### 12. ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI (Csii)

| STT | Họ và Tên              | Lớp          | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|------------------------|--------------|--------|-------------------|
| 1   | Huỳnh Cao Hoàng Huy    | Đ18LK2       | 90/100 | 10:46 phút        |
| 2   | Trần Thị Thuý An       | Đ17LK1       | 85/100 | 07:43 phút        |
| 3   | Nguyễn Thị Như Quỳnh   | Đ15NL3       | 85/100 | 09:33 phút        |
| 4   | Vũ Thị Ngọc Kiều       | Đ18LK2-ULSA2 | 85/100 | 12:01 phút        |
| 5   | Phạm Thị Thúy Vi       | Đ17LK1       | 85/100 | 13:26 phút        |
| 6   | Nguyễn Thị Hồng Nhung  | DKE11812     | 85/100 | 20:00 phút        |
| 7   | Phan Thị Lan Anh       | Đ17LK1       | 80/100 | 13:17 phút        |
| 8   | Nguyễn Huỳnh Đức       | Đ18LK2       | 80/100 | 16:04 phút        |
| 9   | Nguyễn Thị Thanh Huyền | Đ17LK1       | 75/100 | 05:29 phút        |
| 10  | huỳnh công tú          | đại học      | 75/100 | 15:46 phút        |

#### 13. CAO ĐẲNG VIỄN ĐÔNG

| STT | Họ và Tên      | Lớp   | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|----------------|-------|--------|-------------------|
| 1   | Lê Thị Yến Nhi | 10XNC | 95/100 | 07:30 phút        |
| 2   | Lê Ngọc Ánh    | 09XNC | 90/100 | 08:06 phút        |

|    |                      |             |        |            |
|----|----------------------|-------------|--------|------------|
| 3  | Mai Hữu Tiếp         | 11KS2C-Quản | 90/100 | 15:55 phút |
| 4  | Phạm Thị Minh Phượng | 12TA2C      | 85/100 | 14:24 phút |
| 5  | Tôn Thất Mạnh Tường  | 12XNC       | 80/100 | 13:20 phút |
| 6  | Trần Thị Duyên       | 09XNC       | 75/100 | 18:35 phút |
| 7  | Trần Huỳnh Mai       | 12XNDH      | 75/100 | 20:00 phút |
| 8  | Vũ Tiến Hậu          | 12XNC       | 70/100 | 12:41 phút |
| 9  | Võ Tiểu My           | 10XNC       | 70/100 | 16:38 phút |
| 10 | Nguyễn Thị Vĩnh Hoa  | 12XNC       | 70/100 | 19:59 phút |

**14. ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HCM**

| STT | Họ và Tên                | Lớp             | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|--------------------------|-----------------|--------|-------------------|
| 1   | Trương Hoàng Long        | Y18E            | 95/100 | 17:28 phút        |
| 2   | Võ Thành Long            | Dược 18         | 85/100 | 09:14 phút        |
| 3   | Võ Minh Quân             | Y18             | 85/100 | 10:53 phút        |
| 4   | Châu Tú Anh              | Y18C            | 80/100 | 08:38 phút        |
| 5   | Phan Ngọc Phương Trinh   | ĐD18            | 80/100 | 09:51 phút        |
| 6   | Trần Thị Hồng Nhung      | D18-yds         | 80/100 | 12:15 phút        |
| 7   | Nguyễn thị phương y dược | XN18            | 75/100 | 12:05 phút        |
| 8   | Bùi Thị Bông             | khoa phụ sản    | 70/100 | 04:00 phút        |
| 9   | Mai Hoàng Long           | YHCT18          | 70/100 | 07:19 phút        |
| 10  | Đỗ Ngọc Ý                | IHS15-ĐH YD TPH | 70/100 | 15:01 phút        |

**15. ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HCM**

| STT | Họ và Tên               | Lớp          | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|-------------------------|--------------|--------|-------------------|
| 1   | Bùi Công Chức           | 18DDS0803105 | 85/100 | 04:41 phút        |
| 2   | Huynhthicamtu           | DH18LK02     | 80/100 | 04:35 phút        |
| 3   | Huỳnh Cao Hoàng Minh    | DHAV10A      | 80/100 | 07:55 phút        |
| 4   | Duy                     | 170A0001     | 75/100 | 04:51 phút        |
| 5   | Nguyễn Lê Thị Quỳnh Như | LE41         | 75/100 | 06:27 phút        |
| 6   | Tô Nguyễn Phương Ngọc   | DH17TN02     | 75/100 | 06:29 phút        |
| 7   | Ngô Bảo Trâm            | ĐH17LK03     | 75/100 | 08:22 phút        |
| 8   | Điệp                    | Dh15ki02     | 75/100 | 10:23 phút        |
| 9   | nguyen an nguyen        | 89           | 65/100 | 12:35 phút        |
| 10  | Võ Thị Trúc Ngân        | DH17TK03     | 55/100 | 08:41 phút        |

**16. ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HCM**

| STT | Họ và Tên             | Lớp      | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|-----------------------|----------|--------|-------------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM  | DH33DC18 | 85/100 | 06:12 phút        |
| 2   | Trần Văn Tiền         | DH32NH04 | 85/100 | 20:00 phút        |
| 3   | Tô Thanh Thuý         | DH33LK01 | 80/100 | 09:04 phút        |
| 4   | Nguyễn thị Thu Thúy   | DH33LK02 | 75/100 | 11:30 phút        |
| 5   | Nguyen Thi Mong Thuy  | DH34LK02 | 75/100 | 12:04 phút        |
| 6   | Lâm Thị Kiều Mai      | DH33LK02 | 70/100 | 13:51 phút        |
| 7   | Thượng Thị Mỹ Tuyền   | HQ5-GE04 | 70/100 | 15:05 phút        |
| 8   | Nguyễn Gia Ngọc       | DH31KQ02 | 65/100 | 04:19 phút        |
| 9   | Đinh Liêu Uyên Phương | DH33LK02 | 65/100 | 04:20 phút        |
| 10  | Phạm Thị Ngọc Anh     | Dh33dc03 | 60/100 | 05:47 phút        |

**17. ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

| STT | Họ và Tên           | Lớp             | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|---------------------|-----------------|--------|-------------------|
| 1   | Trần Duy Minh       | 54-CLC39(CTL)   | 90/100 | 18:04 phút        |
| 2   | Võ Thị Như          | 16CDQTKD02      | 80/100 | 03:53 phút        |
| 3   | BÙI THÁI NGỌC THẠCH | DH14_QT03       | 80/100 | 04:02 phút        |
| 4   | Đặng Khoa           | nh Doanh Quốc T | 75/100 | 10:49 phút        |
| 5   | Ngô Chí Hải         | DH16_TH01       | 70/100 | 03:55 phút        |
| 6   | Bùi Thanh Hiền      | 17050202        | 70/100 | 06:43 phút        |
| 7   | Ngô Ngọc Phương     | 17CDKT02        | 70/100 | 07:41 phút        |
| 8   | Huỳnh Ngọc Khải     | 170B0102        | 65/100 | 08:52 phút        |
| 9   | Huỳnh Thanh Hiền    | 93              | 65/100 | 10:22 phút        |
| 10  | Võ Đạt              | C15697          | 60/100 | 05:08 phút        |

**18. ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING**

| STT | Họ và Tên            | Lớp      | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|----------------------|----------|--------|-------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Kim Nhung | 18DMA03  | 85/100 | 18:01 phút        |
| 2   | Kiều Đặng Yến Nhi    | 18DMA03  | 75/100 | 15:53 phút        |
| 3   | Nguyễn Thị Kim Chi   | DH18LK01 | 70/100 | 12:44 phút        |
| 4   | võ thị quỳnh như     | c17b1m   | 70/100 | 13:17 phút        |
| 5   | Nguyễn Đình Luyện    | 16DTC1   | 70/100 | 13:24 phút        |
| 6   | Đồng Xuân Toàn       | 18DMA03  | 70/100 | 17:28 phút        |
| 7   | Phương Quế Lệ        | 15dbh2   | 65/100 | 06:54 phút        |
| 8   | Lê Cảnh Kỳ Duyên     | 18DNA02  | 65/100 | 08:13 phút        |
| 9   | Nguyen Vu Khoa       | 15050303 | 65/100 | 08:37 phút        |
| 10  | Tạ Chế Quỳnh Chi     | 16DTD    | 65/100 | 09:37 phút        |

**19. ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT - ĐHQG TP. HCM**

| STT | Họ và Tên               | Lớp              | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|-------------------------|------------------|--------|-------------------|
| 1   | Cù Thị Kim Mai          | DS42A2           | 85/100 | 13:17 phút        |
| 2   | Thái Thị Huệ Thư        | HS42B2           | 80/100 | 06:03 phút        |
| 3   | Đồng Thị Thu Thảo       | TMQT 43          | 80/100 | 07:42 phút        |
| 4   | Thái Thị Lý             | 93QT43.2         | 80/100 | 19:31 phút        |
| 5   | Nguyễn Ngọc Phương Linh | Thương Mại quốc  | 70/100 | 06:24 phút        |
| 6   | LÊ THỊ THẢO MY          | Hình sự 42A.2    | 70/100 | 12:17 phút        |
| 7   | Trịnh Thị Thanh Tâm     | uyên thông (ĐH K | 60/100 | 09:39 phút        |
| 8   | NGUYỄN VĂN THANH        | HINHHSU          | 55/100 | 01:56 phút        |
| 9   | NGUYỄN THỊ THANH THẢO   | TMQT             | 55/100 | 02:35 phút        |
| 10  | PhùngThịDiệuHiền        | ường đại học Luậ | 55/100 | 05:42 phút        |

**20. ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP. HCM**

| STT | Họ và Tên            | Lớp      | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|----------------------|----------|--------|-------------------|
| 1   | Nguyễn Võ Quốc Kiệt  | 12A9     | 80/100 | 07:45 phút        |
| 2   | Phạm Tấn Dũng        | 18D1LK04 | 80/100 | 17:45 phút        |
| 3   | Nguyễn Mạnh Long     | 18D1TH05 | 75/100 | 04:55 phút        |
| 4   | Lê Nguyễn Thanh Uyên | 18D1TA04 | 75/100 | 20:00 phút        |
| 5   | Minh Thư             | 12A13    | 70/100 | 07:20 phút        |
| 6   | Bùi Thị Bạch Vân     | 18D1TA04 | 70/100 | 13:41 phút        |
| 7   | Lê Hoàng Mai         | 150B0110 | 65/100 | 02:44 phút        |
| 8   | Nguyen Minh Hai      | 15050303 | 65/100 | 20:00 phút        |
| 9   | Hồ Phương Thảo       | 12a9     | 55/100 | 10:00 phút        |
| 10  | Do LAN               | qko2     | 55/100 | 17:37 phút        |

**21. ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HCM**

| STT | Họ và Tên             | Lớp          | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|-----------------------|--------------|--------|-------------------|
| 1   | Phạm Thanh Huyền      | 169160A      | 85/100 | 08:53 phút        |
| 2   | Nguyễn Thị Thùy Trang | HC18HOA2HC06 | 80/100 | 11:19 phút        |
| 3   | Ngô Văn Tân           | 141161A      | 75/100 | 06:19 phút        |
| 4   | Nguyễn Thị Vượng      | GDĐB14       | 75/100 | 07:46 phút        |
| 5   | Phan Minh Tài         | 18ED         | 70/100 | 15:35 phút        |
| 6   | ĐÌNH NGỌC TUẤN        | 151441A      | 60/100 | 02:06 phút        |
| 7   | HOANG THỊ THUY TRANG  | 151250C      | 55/100 | 14:29 phút        |
| 8   | Võ Văn Quý            | 18119CL0B    | 50/100 | 06:11 phút        |
| 9   | LÊ THỊ ANH THƯ        | 161500A      | 45/100 | 02:56 phút        |
| 10  | Lê Trần Tuấn Anh      | 18645083     | 45/100 | 20:00 phút        |

**22. CAO ĐẲNG QUỐC TẾ TP. HCM**

| STT | Họ và Tên              | Lớp            | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|------------------------|----------------|--------|-------------------|
| 1   | Lâm Ngọc Hải           | 18CDCDT01      | 80/100 | 06:30 phút        |
| 2   | Lê Thị Ngọc Ánh        | 18C1NNA1       | 80/100 | 20:00 phút        |
| 3   | Lương ký hữu           | 18T4-TKĐ2      | 70/100 | 12:12 phút        |
| 4   | nguyễn thành hòa       | 18CDQTKD03     | 70/100 | 16:07 phút        |
| 5   | nguyendinhbaphong      | 18C1 - TKD1    | 60/100 | 05:23 phút        |
| 6   | Khương Thiên Long      | 16TC-QTM       | 60/100 | 13:49 phút        |
| 7   | Nguyễn Văn Thành Trọng | 18c1-cnô15     | 60/100 | 20:00 phút        |
| 8   | Nguyễn Hữu Phát        | 18c1-tkđ1      | 55/100 | 08:22 phút        |
| 9   | Bạch thị hoàn phúc     | 17cdkt04       | 50/100 | 11:16 phút        |
| 10  | Trần Phi Hùng          | NGÔN NGỮ ANH 3 | 45/100 | 06:20 phút        |

**23. ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP. HCM (HUTECH)**

| STT | Họ và Tên              | Lớp      | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|------------------------|----------|--------|-------------------|
| 1   | Lưu Gia Nghi           | 18DTYA1  | 80/100 | 05:21 phút        |
| 2   | Trần Lê Mỹ Quỳnh       | 17DKQA3  | 75/100 | 07:02 phút        |
| 3   | Hồ Hoài Anh Khang      | TT16A1   | 75/100 | 11:24 phút        |
| 4   | Nguyễn Văn Anh         | Dlu1172  | 75/100 | 13:53 phút        |
| 5   | Nguyễn Linh Tuấn       | 17DTNA4  | 65/100 | 05:31 phút        |
| 6   | Lê Hồ Như Thảo         | 17DKQA3  | 60/100 | 07:25 phút        |
| 7   | Nguyễn Thành Đăng Khoa | CD18TM1  | 60/100 | 13:19 phút        |
| 8   | Nguyễn Văn A           | 8        | 55/100 | 03:39 phút        |
| 9   | Duy                    | 16k1 ktd | 55/100 | 12:20 phút        |
| 10  | NGUYỄN QUỐC ANH        | QTKD16   | 25/100 | 01:40 phút        |

**24. CAO ĐẲNG KINH TẾ - CÔNG NGHỆ TP. HCM**

| STT | Họ và Tên             | Lớp        | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|-----------------------|------------|--------|-------------------|
| 1   | Bùi Thanh Tâm         | C14MK1     | 90/100 | 09:25 phút        |
| 2   | hoàng thị hoa         | EAG        | 80/100 | 15:04 phút        |
| 3   | Nguyễn thái bảo huy   | 17t4-cno4  | 75/100 | 20:00 phút        |
| 4   | Nguyễn Túc Linh       | 17t4qtm1   | 65/100 | 10:52 phút        |
| 5   | Nguyen Le Bao Thy     | Trung Cap  | 55/100 | 04:15 phút        |
| 6   | Từ Thị Mỹ Linh        | 14CKT02    | 55/100 | 10:48 phút        |
| 7   | Phạm Nguyễn Duy Khiêm | 18T4-THU1  | 55/100 | 20:00 phút        |
| 8   | Phùng Thị Nhung       | KT2        | 50/100 | 12:31 phút        |
| 9   | Lê hữu thành          | 18c1-cnô14 | 45/100 | 08:31 phút        |
| 10  | Nguyễn Thị Kim Diễm   | CD17KT3    | 45/100 | 11:28 phút        |

**25. ĐẠI HỌC KHXH&NV - ĐHQG TP. HCM**

| STT | Họ và Tên                 | Lớp             | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|---------------------------|-----------------|--------|-------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Lĩnh Tú        | TLH K10         | 95/100 | 06:03 phút        |
| 2   | Nguyễn Phương Thảo Nguyên | NVN             | 75/100 | 04:37 phút        |
| 3   | NGUYỄN THỊ THU HIỀN       | BCTT            | 70/100 | 01:39 phút        |
| 4   | Lý Quan Hữu An            | 18604           | 70/100 | 06:33 phút        |
| 5   | Nguyễn Trung Khải         | Giao Dục K19    | 65/100 | 07:34 phút        |
| 6   | Nguyễn Thị Ngọc Trân      | Công tác xã hội | 65/100 | 10:54 phút        |
| 7   | Đặng Khánh Hà             | 16020112        | 60/100 | 20:00 phút        |
| 8   | ĐẶNG THỊ HỒNG THẨM        | BCTT            | 50/100 | 01:39 phút        |
| 9   | Hồ Thị Mến                | CTXH            | 40/100 | 01:55 phút        |
| 10  | PHẠM NGỌC ĐẠT             | Địa lý          | 20/100 | 01:33 phút        |

**26. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG**

| STT | Họ và Tên            | Lớp          | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|----------------------|--------------|--------|-------------------|
| 1   | Nguyễn Ngọc Hưởng    | CĐ TĐ 17A    | 85/100 | 13:36 phút        |
| 2   | Nguyễn Thị Thu Hiền  | CK17         | 80/100 | 09:34 phút        |
| 3   | Lê Ngọc Phương Thúy  | CĐ CK 18B    | 65/100 | 09:10 phút        |
| 4   | Võ Hữu Tính          | Cđ đ đt 16da | 65/100 | 09:39 phút        |
| 5   | Nguyễn thị thanh hải | CĐ ô tô 18B  | 60/100 | 07:04 phút        |
| 6   | Phan Quốc Đạt        | CĐ ĐĐT 16ĐTE | 60/100 | 11:40 phút        |
| 7   | Đoàn Đức Anh         | cđn ô tô 17b | 60/100 | 20:00 phút        |
| 8   | Tạ Minh Thuận        | CD CK 18A    | 55/100 | 08:05 phút        |
| 9   | Phan Hữu Phước       | CĐ ĐĐT 18C   | 50/100 | 12:48 phút        |
| 10  | Võ Anh Hào           | CĐ ÔTÔ 18A   | 30/100 | 20:00 phút        |

**27. ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG**

| STT | Họ và Tên              | Lớp       | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|------------------------|-----------|--------|-------------------|
| 1   | NGUYỄN THANH VÂN       | MTCN      | 75/100 | 01:40 phút        |
| 2   | Đoàn ngọc trung        | 17040101  | 75/100 | 08:04 phút        |
| 3   | Mai Đức Luân           | 18C1-VSL1 | 70/100 | 10:53 phút        |
| 4   | Nguyễn Đình Bảo Nguyên | 18070402  | 70/100 | 20:00 phút        |
| 5   | Bùi Thành Đạt          | 18DF0211  | 60/100 | 08:34 phút        |
| 6   | Huỳnh Hoài Trung       | 18hb0105  | 60/100 | 17:43 phút        |
| 7   | Trần Thanh Thư         | MTCN      | 55/100 | 01:37 phút        |
| 8   | PHAN THANH AN          | ĐIỆN TỬ   | 50/100 | 01:42 phút        |
| 9   | Trà Quốc Huy           | 11a1      | 50/100 | 05:58 phút        |
| 10  | NGUYỄN HUY ĐỨC         | cd15ot1   | 20/100 | 05:01 phút        |

**28. ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM**

| STT | Họ và Tên              | Lớp            | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|------------------------|----------------|--------|-------------------|
| 1   | Phan Minh Khôi         | Việt Nam Học A | 90/100 | 08:18 phút        |
| 2   | Nguyễn Thanh Phong     | TLHGD.C K42    | 80/100 | 04:00 phút        |
| 3   | Phạm Thị Ngọc Huyền    | VNH. A         | 75/100 | 14:36 phút        |
| 4   | Nguyễn Văn Bình        | CTXH K43.A     | 70/100 | 04:15 phút        |
| 5   | Huỳnh Thị Yến Nhi      | CNV K43 A      | 55/100 | 12:50 phút        |
| 6   | Lý Uyển Quỳnh          | Văn học A      | 50/100 | 12:15 phút        |
| 7   | CÙ DUY THANH           | VLK39          | 45/100 | 01:43 phút        |
| 8   | Nguyễn thị ngọc thường | QTHD K44       | 45/100 | 14:11 phút        |
| 9   | Nguyen Ngoc Thanh Truc | 18HB0105       | 40/100 | 06:29 phút        |
| 10  | HOANG ANH              | TTK39          | 30/100 | 02:06 phút        |

**29. ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM**

| STT | Họ và Tên            | Lớp     | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|----------------------|---------|--------|-------------------|
| 1   | Trần Thị Hồng Ngọc   | DH17BQC | 80/100 | 06:40 phút        |
| 2   | Phan Bích Tuyền      | DH17DD  | 75/100 | 20:00 phút        |
| 3   | BÙI VĂN TÚ           | DH17NHA | 75/100 | 20:00 phút        |
| 4   | Nguyễn Thuỳ Kim Ngân | DH17BQC | 65/100 | 06:55 phút        |
| 5   | Nguyễn Thanh Mẫn     | DH16TY  | 65/100 | 10:22 phút        |
| 6   | Nguyễn Minh Trực     | DH17QM  | 60/100 | 17:30 phút        |
| 7   | PHẠM TRẦN VĨNH THANH | DH15GN  | 45/100 | 02:14 phút        |
| 8   | BÙI THỊ LOAN         | DH15CB  | 40/100 | 02:03 phút        |
| 9   | TRẦN THỊ NGỌC THU    | DH15GB  | 35/100 | 03:30 phút        |
| 10  | LÊ THỊ THÚY HẰNG     | DH16CB  | 30/100 | 06:08 phút        |

**30. CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP. HCM**

| STT | Họ và Tên                | Lớp       | Điểm   | Thời gian làm bài |
|-----|--------------------------|-----------|--------|-------------------|
| 1   | Nguyễn Hà Nam            | IP_17DKQ  | 95/100 | 19:58 phút        |
| 2   | TẠ QUANG HUY             | CD17DĐ1   | 65/100 | 02:02 phút        |
| 3   | PHAN CẦU PHƯỚC           | CD16KM2   | 65/100 | 02:38 phút        |
| 4   | Nhan My Kim              | 18t4TKD2  | 65/100 | 04:49 phút        |
| 5   | hoang manh quang         | 18T4-CĐT1 | 65/100 | 05:58 phút        |
| 6   | vy hoang yen nhi         | 18t4TKD2  | 55/100 | 04:20 phút        |
| 7   | Lê Quang Trung           | 11B12     | 55/100 | 06:52 phút        |
| 8   | TRẦN THỊ THÚY QUỲNH      | CD16DH1   | 45/100 | 02:38 phút        |
| 9   | NGUYỄN HUY DŨNG          | CD13CG1   | 25/100 | 05:14 phút        |
| 10  | Nguyễn Thụy phương Quỳnh | 18T4-QTD1 | 20/100 | 03:12 phút        |

